

NGƯỜI BIẾT ƠN VÀ BIẾT ĐỀN ƠN (KATAÑÑŪ KATAVEDĪ PUGGALA)

Soạn-giả Tỳ-khưu Hộ-Pháp
Dhammarakkhita Bhikkhu
(Aggamahāpaṇḍita)

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con được biết Phật-Giáo Nguyên-Thủy (Theravāda) là nhờ ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-Lão khác đã dày công đem Phật-Giáo Nguyên-Thủy về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-Lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

Lời Nói Đầu

Để phân biệt người thiện là bậc thiện-trí (sappurisa) với người ác vong ơn (asappurisa), Đức-Phật dạy:

* Sappurisa: Người thiện là bậc thiện-trí có đầy đủ 2 đức-tính tốt là biết ơn những người ân-nhân của mình (kataññū) và biết đền đáp xứng đáng công ơn của những người ân-nhân của mình (katavedī).

* Asappurisa: Người ác là người vong ơn có đầy đủ 2 tính xấu là không biết ơn những người ân-nhân của mình (akataññū) và không biết đền đáp công ơn của những người ân-nhân của mình (akatavedī).

* Mỗi người được sinh ra trong đời này đều do nhờ công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

Nếu không có mẹ cha thì không có người con sinh ra trong đời, cho nên mẹ cha là Người ân-nhân đầu tiên của người con, cũng là vị Thầy đầu tiên của người con.

Bốn phận làm con phải biết ơn mẹ cha và biết trả công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

* Người học trò biết đọc chữ, biết viết chữ, biết các bộ môn, ... biết nghề nghiệp, ... là do nhờ các thầy, cô giáo dạy dỗ.

Cho nên, bốn phận học trò phải biết ơn các thầy, cô giáo và biết đền đáp công ơn dạy dỗ của các thầy, cô giáo.

Mẹ cha và các thầy, cô giáo đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho người con, người học trò trong kiếp hiện-tại.

* Những hàng đệ-tử Việt Nam biết đọc chữ Pāli, biết tụng kinh Pāli, hiểu biết giáo-pháp của Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo cùng ngũ-giới, trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, hoặc biết làm lễ xuất gia trở thành tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là do nhờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá tại Việt-Nam.

Nếu Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông không đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá tại Việt-Nam thì chúng ta không biết đến Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, chúng ta không có ai trở thành cận-sự-nam, cận-sự-nữ, tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

Tục ngữ ta có câu “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

Ngày nay, chúng ta biết được Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, chúng ta đã trở thành người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda là do nhờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông, cho nên, các hàng đệ-tử phải biết ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông và biết đền đáp công ơn của Ngài Sơ Tổ.

Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông ban cho các hàng đệ-tử chúng ta sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc không chỉ trong kiếp hiện-tại này, mà còn vô số kiếp vị-lai, đặc biệt làm duyên lành, nhân tốt dẫn đến chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong 3 giới 4 loài.

Quyển sách nhỏ “Người biết ơn và biết đền ơn” giúp cho mỗi người có bốn phận biết ơn những bậc ân-nhân và biết đền đáp công ơn của những bậc ân-nhân của mình, nếu người có đầy đủ 2 đức-tính tốt này thì gọi là người thiện là bậc thiện-trí, như Đức-Phật dạy.

Người nào không biết bốn phận của mình, không biết ơn những bậc ân-nhân và không biết đền đáp công ơn của những bậc ân-nhân của mình, nếu người có đầy đủ 2 tính xấu này thì gọi là người ác vong ơn, như Đức-Phật dạy.

Cho nên, mỗi người dù ở địa vị nào trong đời, cũng nên biết bốn phận của mình, cố gắng làm tròn bốn phận của mình, để tự mình không chê trách mình, không hối hận về sau, và chư bậc thiện-trí cũng không chê trách mình được. Trái lại, mình vô cùng hoan hỷ làm tròn bốn phận của mình, và chư bậc thiện-trí cũng khen ngợi mình nữa.

Mong mỗi người là bậc thiện-trí có đầy đủ 2 đức-tính là biết ơn những bậc ân-nhân và biết đền đáp công ơn của những bậc ân-nhân của mình một cách xứng đáng.

NGƯỜI BIẾT ƠN VÀ BIẾT ĐỀN ƠN (KATAÑÑŪ KATAVEDĪ PUGGALA)

Đức-Phật dạy rằng:

Dveme bhikkhave, puggalā dullabhā lokasmiṃ. Katame dve?

Yo ca pubbakārī, yo ca kataññū katavedī.

Ime kho bhikkhave, dve puggalā dullabhā lokasmiṃ.()

- Nay chư tỳ-khưu! Hai hạng người khó có trong đời này. Hai hạng người ấy là ai?

* Pubbakārī: Hạng người ban ơn trước,

* Kataññū katavedī: Hạng người biết ơn và biết đền ơn đến Người đã ban ơn trước cho mình.

- Nay chư tỳ-khưu! Đó là hai hạng người khó có trong đời này.

MẸ CHA VÀ CON CÁI

Mỗi người chúng ta được hiện hữu trên đời này đều do nương nhờ công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha, nên mẹ cha được gọi là pubbakārī là Người đã ban ơn cho các con trước. Ví như người đã cho con vay nợ trước.

Đối với người con phải có bốn phận biết ơn mẹ cha và biết trả ơn mẹ cha đã có công ơn sinh thành dưỡng dục, từ khi đầu thai vào lòng mẹ, khi sinh ra đời cho đến lúc trưởng thành, nên được gọi là kataññū katavedī là người con biết ơn mẹ cha và biết trả ơn mẹ cha. Ví như người trả nợ đã vay.

Vị Tỳ-Khưu Phụng Dưỡng Mẹ Cha Già

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, vị tỳ-khưu chí hiếu biết lo phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo. Hằng ngày, mỗi buổi sáng, vị tỳ-khưu đi khát thực cháo đem về dâng cho mẹ cha dùng buổi sáng.

Buổi trưa, vị tỳ-khưu mang bát vào trong kinh-thành Sāvatthi đi khát thực, đem vật thực về dâng mẹ cha dùng cho no đủ trước. Sau đó, vị tỳ-khưu lại đi khát thực một lần nữa, nếu có được vật thực thì Ngài mời mẹ cha dùng thêm. Khi mẹ cha no đủ, Ngài mới dùng phần vật thực còn lại.

Hằng ngày, vị tỳ-khưu ấy chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha đầy đủ, không để mẹ cha phải chịu cảnh đói khát.

Vị tỳ-khưu đi khát thực có được vật thực đem về dâng cho mẹ cha dùng no đủ trước, nếu còn thừa thì Ngài mới dùng phần vật thực còn lại ấy. Vì vậy, đời sống của Ngài có bữa no bữa đói, cho nên thân thể của Ngài càng ngày càng gầy, vì thiếu vật thực.

Nếu có được tấm vải mới nào thì Ngài đem dâng tấm vải mới ấy đến mẹ cha mặc. Nếu mẹ cha xả bỏ tấm choàng cũ thì vị tỳ-khưu đem giặt sạch sẽ, rồi nhuộm màu lại vá vào tấm y cũ

rách của Ngài, hoặc lượm các tấm vải mà người ta vất bỏ, đem về giặt sạch sẽ, nhuộm màu lại, rồi vá vào tấm y cũ rách của Ngài, cho nên tấm y của Ngài có nhiều miếng vá.

Hằng ngày, vị tỳ-khưu ấy chỉ biết lo chăm sóc phụng dưỡng mẹ cha cho được no ấm mà thôi. Về phần Ngài có thân hình gầy ốm, mặc bộ y cũ có nhiều miếng vá.

Nhìn thấy vị tỳ-khưu ấy gầy ốm xanh xao, mặc bộ y cũ có nhiều mảnh vá như vậy, nên các vị tỳ-khưu khác hỏi Ngài rằng:

- Nay pháp-hữu! Trước kia pháp-hữu có thân thể khoẻ mạnh, da dẻ hồng hào, nhưng nay thân thể của pháp-hữu gầy ốm xanh xao như vậy, pháp hữu có mắc phải bệnh gì không?

Pháp-hữu không có y mặc hay sao, mặc bộ y quá cũ có nhiều miếng vá như vậy?

Nghe các vị tỳ-khưu khác hỏi như vậy, vị tỳ-khưu ấy trả lời rằng:

- Nay quý pháp-hữu! Thật ra, tôi không bị mắc bệnh gì cả. Hằng ngày tôi có bốn phận phải lo chăm sóc, phụng dưỡng mẹ cha già của tôi cho được no ấm.

- Nay quý pháp hữu! Tôi đi khát thực được phần vật thực, đem về dâng lên cho mẹ cha tôi dùng trước, khi mẹ cha tôi đã dùng no đủ, thì tôi mới dùng phần còn lại, nên có bữa no bữa đói.

Do đó, thân thể của tôi bị gầy ốm, xanh xao như thế này, vì thiếu vật thực, chứ không bị mắc bệnh gì cả.

Và nếu khi tôi có tấm vải mới nào thì tôi dâng tấm vải ấy đến mẹ cha tôi mặc. Nếu mẹ cha tôi xả bỏ tấm choàng cũ thì tôi lấy, hoặc tôi lượm tấm vải người ta bỏ, đem giặt sạch sẽ, nhuộm màu lại, rồi vá vào tấm y cũ rách của tôi, cho nên, tấm y của tôi có nhiều miếng vá như vậy.

Nghe vị tỳ-khưu thuật lại như vậy, các pháp-hữu bảo với vị tỳ-khưu ấy rằng:

- Nay pháp-hữu! Những thí chủ có đức tin trong sạch làm phước-thiện bố-thí các món vật thực, vải may y, ... cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-Thế-Tôn không cho phép tỳ-khưu đem những thứ vật thực, vải may y ấy phụng dưỡng người tại gia cư sĩ.

Như vậy, pháp-hữu đã làm việc không nên làm, thật đáng chê trách.

Nghe lời chê trách của pháp-hữu, vị tỳ-khưu ấy cảm thấy hổ thẹn.

Chư tỳ-khưu ấy đem việc này bạch lên Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính Bạch Đức-Thế-Tôn, những thí chủ có đức-tin trong sạch làm phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực, vải may y đến chư tỳ-khưu-Tăng, mà vị tỳ-khưu ấy đem phần của mình lo chăm sóc, phụng dưỡng hai người tại gia cư sĩ. Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn cho truyền gọi vị tỳ-khưu ấy đến bèn hỏi rằng:

- Nay tỳ-khưu! Như-Lai nghe nói rằng: những thí chủ có đức-tin trong sạch làm phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực, vải may y đến chư tỳ-khưu-Tăng, con đã đem phần của con lo chăm sóc, phụng dưỡng hai người tại gia cư sĩ. Chuyện ấy có thật hay không?

Vị tỳ-khưu bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chuyện ấy có thật như vậy. Bạch Ngài.

- Nay tỳ-khưu! Con đem những vật thực, vải may y lo chăm sóc, phụng dưỡng hai người tại gia cư sĩ ấy. Vậy hai người ấy có liên quan với con như thế nào?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem những vật thực, vải may y lo chăm sóc, phụng dưỡng hai người tại gia cư sĩ ấy, bởi vì hai người này chính là mẹ và cha của con. Bạch Ngài.

Để cho vị tỳ-khưu ấy phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ, nên Đức-Phật tán dương ca tụng rằng:
Sādhū! Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay! Lành thay! ba lần như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy tỳ-khưu ấy rằng:

- Nay tỳ-khưu! Con đã làm bốn phận người con chí hiếu, biết ơn mẹ cha và biết trả ơn mẹ cha, biết chăm lo săn sóc, phụng dưỡng mẹ và cha già.

Con đã làm theo truyền thống dòng dõi của chư Đức-Bồ-tát tiền kiếp của Như-Lai, dù sinh làm người, dù sinh làm loài thú, loài chim đều có bốn phận biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già.

Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Như-Lai đã từng chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già mù đôi mắt trong thời quá khứ.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền kiếp của Ngài.

Tích Suvaṇṇasāmajātaka: Kiếp Đức-Bồ-tát

Suvaṇṇasāma phụng dưỡng mẹ cha già mù

Đức-Phật thuyết về tích Suvaṇṇasāmajātaka() Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma là tiền kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh làm con của đạo-sĩ Dukūla và nữ đạo-sĩ Pārikā sống trong rừng, thực-hành pháp-hạnh tâm-từ ba-la-mật.

Tích này dài, trích tóm lược phần nói về Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già mù đôi mắt như sau:

Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về tích Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh làm con của nữ đạo-sĩ Pārikā và đạo-sĩ Dukūla sống ở trong rừng. Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma được hai vị đạo-sĩ mẹ cha đi vào rừng tìm các thứ trái cây đem về nuôi dưỡng Đức-Bồ-tát trưởng thành.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thực-hành pháp-hạnh thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ vô lượng đến tất cả chúng-sinh. Cho nên, các loài thú dữ trong rừng cảm nhận được tâm-từ của Đức-Bồ-tát, chúng đều trở nên các con thú thuần tính, không còn làm khổ lẫn nhau nữa, các loài thú lớn nhỏ đều đến quanh quần gần gũi chơi với Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma như những người bạn thân thiết.

Hằng ngày, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma lo giúp đỡ những công việc như quét dọn sạch sẽ xung quanh hai cốc lá của hai vị đạo-sĩ mẹ cha, mang bình bát đi xuống sông Migasammata lấy nước uống, nước dùng cho hai vị đạo-sĩ mẹ cha.

Các con thú lớn nhỏ từng đàn, từng đàn đi theo sau, Đức-Bồ-tát đặt cái bình nước trên lưng một con thú lớn, lực lưỡng khỏe mạnh đi xuống sông Migasammata, khi lấy bình nước xong, lại đặt bình nước trên lưng con thú lớn lực lưỡng khỏe mạnh ấy mang nước về hai cốc lá của hai vị đạo-sĩ mẹ cha, cho nên, nước dùng, nước uống lúc nào cũng đầy để cho hai vị đạo-sĩ mẹ cha dùng.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma trưởng thành lên mười sáu tuổi, hằng ngày có khả năng đỡ đàn mọi công việc cốc lá cho hai vị đạo-sĩ mẹ cha.

Hai Vị Đạo-Sĩ Mẹ Cha Bị Mù Đôi Mắt

Một hôm, sau khi tìm các thứ trái cây trong rừng núi xong, hai vị đạo-sĩ từ trong rừng trở về gần đến cốc lá chỗ ở của mình, thì trời đổ mưa lớn, hai vị đạo-sĩ đi vào gốc cây lớn để trú mưa.

Tại dưới gốc cây lớn ấy, có một con rắn độc

nằm trong hang, trận mưa lớn nên nước mưa thấm ướt vào người hai vị đạo-sĩ, nước chảy xuống đất thấm vào trong hang rắn độc, nước mưa có lẫn mồ hôi người của hai vị đạo-sĩ; người mồ hôi người, con rắn độc nổi giận bò lên phun hơi nọc độc vào đôi mắt của hai vị đạo-sĩ làm cho đôi mắt của hai vị đạo-sĩ đều bị mù không còn thấy đường về cốc lá của mình.

Khi ấy, vị đạo-sĩ Dukūla nói với nữ đạo-sĩ Pārikā biết rằng:

- Nay nữ đạo-sĩ Pārikā! Đôi mắt của bản-đạo đều bị mù không nhìn thấy nữa.

Vị nữ đạo-sĩ Pārikā cũng thưa với vị đạo-sĩ Dukūla rằng:

- Kính thưa Ngài Đạo-sĩ Dukūla, đôi mắt của bản-đạo cũng bị mù không còn thấy nữa.

Nữ đạo-sĩ Pārikā khóc than rằng:

Sinh-mạng của chúng ta sẽ bị chết tại nơi đây, mà Suvaṇṇasāma con yêu quý không hay biết.

Tại cốc lá, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma nghĩ rằng: "Mỗi ngày, mẹ cha của ta, giờ này đã trở về cốc rồi. Hôm nay, một trận mưa lớn vừa qua cũng đã tạnh từ lâu, vì sao mẹ cha của ta chưa thấy trở về, chắc hẳn có điều tai nạn gì đã xảy đến với mẹ cha của ta."

Nghĩ xong, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma đi theo

con đường mòn mà hai vị đạo-sĩ mẹ cha thường đi hằng ngày, vừa đi vừa gọi tên mẹ cha rằng:

- Mẹ cha ở đâu? Xin lên tiếng cho con biết!

Nghe tiếng gọi của đứa con yêu quý, hai đạo-sĩ lên tiếng dạy bảo rằng:

- Nay con yêu quý! Đôi mắt của mẹ cha bị mù cả rồi.

Ở đây có rắn độc nguy hiểm, con chớ nên đến gần mẹ cha con nhé!

Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, nếu vậy, thì xin mẹ cha cầm lấy đầu cây này.

Đức-Bồ-tát đưa đầu cây dài đến tận tay của mẹ cha, rồi mẹ cha của Đức-Bồ-tát lần theo cây đến Đức-Bồ-tát.

Đức-Bồ-tát thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, do nguyên nhân nào mà làm cho đôi mắt của mẹ cha bị mù như thế này?

Hai vị đạo-sĩ mẹ cha bảo cho Đức-Bồ-tát biết rằng:

- Nay con yêu quý! Trên đường về đến chỗ này, một trận mưa lớn vừa qua, mẹ cha vào trú mưa dưới cội cây này, không biết dưới cội cây có hang rắn độc, nước mưa thấm ướt toàn thân chảy xuống miệng hang, ngửi mùi mồ hôi người, con rắn độc nổi giận bò lên phun nọc độc vào đôi mắt của mẹ cha. Đó là nguyên nhân làm cho đôi mắt của mẹ cha bị mù không còn nhìn thấy gì nữa.

Lắng nghe mẹ cha thuật lại sự việc xảy ra như vậy, nhìn thấy mẹ cha bị mù đôi mắt nên vô cùng xúc động Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma khóc vì thương yêu mẹ cha, rồi nghĩ lại về bốn phận của mình, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cười vì hoan hỷ có được cơ hội tốt chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha mù đôi mắt.

Mẹ cha của Đức-Bồ-tát hỏi rằng:

- Nay Suvaṇṇasāma con yêu quý! Tại sao con khóc, rồi con lại cười như vậy ?

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, sở dĩ con khóc là vì con không nén được nỗi xúc động nhìn thấy mẹ cha bị mù đôi mắt không nhìn thấy gì nữa.

Và sở dĩ con cười là vì con cảm thấy vui mừng là từ ngay bây giờ về sau, con có cơ hội tốt chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha được an-lạc.

- Kính xin mẹ cha an tâm, con cố gắng hết sức mình để làm tròn bốn phận người con trả ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

Đức-Bồ-tát thưa lời an ủi mẹ cha xong, cầm tay dẫn mẹ cha trở về lại cốc lá.

Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma cột dây từ mỗi cốc lá của mẹ và của cha dẫn đến chỗ ngồi ăn, chỗ rửa mặt, chỗ tắm rửa, chỗ đi tiểu tiện, đại tiện, chỗ đường đi kinh hành, chỗ ngồi nghỉ mát, v.v..

Đức-Bồ-tát sắp đặt mọi thuận lợi cho mẹ cha khi cần.

Kể từ hôm ấy, Đức-Bồ-tát Suvaṇṇasāma làm tròn bốn phận người con biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo. Đức-Bồ-tát thức dậy sớm thực-hành pháp-hành thiền-định với đề-mục niệm rải tâm-từ vô-lượng đến tất cả chúng-sinh.

Mỗi buổi sáng, Đức-Bồ-tát quét dọn sạch sẽ chỗ ở, giặt các bộ y phục của mẹ cha xong, vào đánh lễ mẹ cha, rồi đem bình nước cùng đàn thú đi xuống sông Migasammata lấy nước dùng, nước uống đem về, sắp đặt các loại trái cây ngon lành để mẹ cha dùng bữa sáng.

Sau khi mẹ cha dùng xong, Đức-Bồ-tát dùng phần trái cây còn lại, làm xong mọi công việc, Đức-Bồ-tát vào đánh lễ mẹ cha, xin phép đi vào rừng núi, mang giỏ đi cùng với các đàn thú vào rừng núi, để tìm các loại trái cây lớn nhỏ các loại củ, các thứ rễ cây.

Đức-Bồ-tát hái trái cây ở chỗ thấp, còn các trái cây chín ở trên cao, thì có các chú khỉ leo lên hái đem xuống, mỗi đàn thú đi theo giúp đỡ Đức-Bồ-tát tìm hái trái cây lớn nhỏ, các loại củ, các loại rễ cây, tùy theo khả năng của mỗi loài thú. Khi đầy đủ các thứ, các con thú lực lưỡng khoẻ mạnh có phận sự đem về cốc lá.

Về đến cốc lá vào buổi chiều, Đức-Bồ-tát vào đánh lễ mẹ cha, dắt dẫn mẹ cha đi tắm sạch sẽ, đem bộ y phục sạch đến mẹ cha thay bộ y phục cũ, sắp đặt các thứ trái cây, kính dâng mẹ cha dùng buổi chiều, và sắp đặt các trái cây còn lại dành để dùng buổi sáng ngày hôm sau.

Đức-Bồ-tát mang bình nước cùng với các đàn thú đi đến sông Migasammata để lấy nước dùng, nước uống đem về.

Vào mùa lạnh, Đức-Bồ-tát nấu nước ấm để cho mẹ cha tắm, và làm tròn bốn phận phục vụ mẹ cha một cách chu đáo như mỗi ngày.

Buổi tối, Đức-Bồ-tát đến mỗi cốc lá xoa bóp chân tay, thân mình của mẹ cha. Khi trời trở lạnh Đức-Bồ-tát đốt lò sưởi ấm đặt trong mỗi cốc lá của mẹ cha.

Hằng ngày, Đức-Bồ-tát Suvannasāma vô cùng hoan hỷ làm tròn mọi phận sự chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha chu đáo một cách cung kính với đại-thiện-tâm hoan hỷ, không bao giờ phàn nàn một điều gì cả.

Đức-Bồ-tát Suvannasāma coi trọng việc chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già, đó là bốn phận thiêng liêng của người con biết ơn mẹ cha và biết trả công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha đã cho người con vay từ khi đầu thai 10 tháng, khi sinh ra đời, rồi dưỡng dục cho đến lúc trưởng thành. Cho nên, công ơn của mẹ cha thật là công ơn trời biển, vô lượng đối với người con không có gì trong đời có thể sánh được.

Tích Mātuposakajātaka: Tích Đức-Bồ-tát phụng dưỡng mẹ mù đôi mắt.

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, vị tỳ-khưu chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ già, nên bị chư tỳ-khưu chê trách.

Đức-Thế-Tôn truyền cho gọi vị tỳ-khưu ấy đến, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay chư tỳ-khưu! Các con không nên chê trách vị tỳ-khưu này, tiền-kiếp của Như-Lai dù sinh làm loài thú cũng phụng dưỡng mẹ mù đôi mắt.

Nghe truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết giảng về tiền-kiếp của Ngài.

Đức-Thế-Tôn thuyết giảng tích Mātuposaka-jātaka() Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, phụng dưỡng voi mẹ mù được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Brahmadatta ngự tại kinh thành Bārāṇasī, trị vì đất nước Kāśi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama, sinh làm con Bạch-tượng chúa có thân hình

xinh đẹp, có sức mạnh phi thường thật đáng kính mến, lãnh đạo đàn voi 80.000 con sống trong khu rừng Himavanta.

Voi mẹ của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa bị mù đôi mắt. Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa có được những trái cây ngon lành, truyền lệnh các con voi đem những trái cây ngon lành đến kính dâng voi mẹ của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa, chúng nó không đem những trái cây ấy đến kính dâng, mà chúng nó tự ăn hết những trái cây ấy.

Sau khi biết voi mẹ bị đói, nên Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa nghĩ rằng: "Ích lợi gì lãnh đạo đàn voi này, ta nên từ bỏ chúng, rồi dẫn voi mẹ của ta đến một nơi thanh vắng, để ta chăm lo săn sóc phụng dưỡng voi mẹ của ta một cách chu đáo. Đó là điều tốt hơn hết."

Đến lúc ban đêm, đàn voi không hề hay biết, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa dẫn voi mẹ rời ra khỏi đàn voi đông đảo ấy, đi đến chân núi Caṇḍoraṇa có một cái động lớn, voi mẹ và Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa sống ở trong động ấy, gần hồ sen thiên nhiên.

Hằng ngày, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa đi tìm các loại trái cây ngon lành đem về kính dâng lên voi mẹ, chăm lo săn sóc phụng dưỡng voi mẹ một cách chu đáo được thoả nguyện.

Thuở nọ, một người thợ săn là dân kinh-thành Bārāṇasī bị lạc trong khu rừng ấy, không tìm ra phương hướng, nên ngồi khóc than ra tiếng lớn.

Nghe tiếng khóc của người thợ săn, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa nghĩ rằng: "Người ấy bị lạc trong khu rừng, sẽ bỏ xác nơi đây. Khi ta còn hiện hữu, ta không thể để cho người ấy chết nơi đây được."

Nghĩ như vậy xong, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa tìm đến người ấy. Khi nhìn thấy Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa, người ấy hoảng sợ bỏ chạy, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa truyền bảo người ấy rằng:

- Này người thợ săn! Người chớ nên sợ hãi, chắc chắn không có tai hoạ nào xảy đến với người đâu.

Nghe Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa truyền bảo như vậy, người thợ săn mới hoàn hồn.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa truyền hỏi rằng:

- Này người thợ săn! Tại sao người khóc than như vậy?

Người thợ săn thưa với Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa rằng:

- Kính thưa Ngài, tôi bị lạc đường mà không tìm ra phương hướng để ra khỏi khu rừng này đã trải qua 7 ngày rồi. Thưa Ngài.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa nói cho người thợ săn an tâm rằng:

- Này người thợ săn! Người chớ nên lo lắng, ta sẽ đưa người ra khỏi khu rừng này, đến phần đất của loài người.

Truyền bảo xong, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa nâng người thợ săn đặt trên lưng của mình, đưa ra khỏi khu rừng đến phần đất của loài người rồi mới trở lại.

Ra khỏi khu rừng được an toàn, người thợ săn nghĩ ác rằng: “Con Bạch-tượng này có thân hình xinh đẹp phi thường thật xứng đáng làm phương tiện cho Đức-vua. Vậy, ta nên đánh dấu cây to, núi lớn để dễ nhận biết đường đi tìm con Bạch-tượng này.”

Nghĩ như vậy, nên người thợ săn đi thẳng đến kinh-thành Bārāṇasī. Khi ấy, con voi báu của Đức-vua vừa mới chết, Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh gần xa khắp toàn đất nước Kāśi, hễ ai nhìn thấy con voi nào xứng đáng làm phương tiện cho Đức-vua thì hãy đến tâu lên Đức-vua, để được trọng thưởng.

Đến kinh-thành Bārāṇasī, biết được tin này, người thợ săn chộp lấy cơ-hội liền đến chầu Đức-vua Brahmadatta tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kẻ tiện dân này đã thấy con Bạch-tượng toàn màu trắng xinh đẹp phi thường, thật là xứng đáng làm phương tiện cho Hoàng-thượng.
- Muôn tâu Hoàng-thượng, kẻ tiện dân này sẽ dẫn đường đi đến khu rừng ấy.

Nghe lời tâu của người thợ săn ấy, Đức-vua Brahmadatta vô cùng hoan hỷ cho truyền gọi vị thầy dạy voi, cùng với đoàn lính trong triều đến chầu, Đức-vua truyền bảo rằng:

- Nay các khanh! Người thợ săn này đã thấy con Bạch-tượng có thân hình xinh đẹp phi thường, các khanh hãy đi theo người thợ săn này dẫn đường đi đến khu rừng ấy bắt con Bạch-tượng toàn màu trắng đem về dâng Trẫm.

Tuân theo lệnh Đức-vua Brahmadatta, vị thầy dạy voi, cùng với đoàn lính trong triều rất đông đi theo người thợ săn dẫn đường đi đến khu rừng ấy. Vị thầy dạy voi và người thợ săn đứng từ xa nhìn thấy Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa đang đi tìm các thứ trái cây, lá cây đem về phụng dưỡng voi mẹ mù đôi mắt.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa cũng nhìn thấy vị thầy dạy voi và người thợ săn, biết rõ rằng:

“Tai hoạ này xảy ra do người thợ săn ác, vong ơn bội nghĩa ấy. Ta có sức mạnh phi thường có khả năng đánh bại 1.000 con voi, khi nổi giận có thể tiêu diệt các đoàn quân, tàn phá kinh-thành rộng lớn một cách dễ dàng.”

Hôm nay, ta xin phát nguyện bằng lời chân-thật rằng: “Dù chúng nó phóng lưới giáo vào đầu của ta, ta cũng không phát sinh tâm sân.”

Sau khi phát nguyện bằng lời chân-thật xong, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa cúi đầu xuống, đứng yên một chỗ.

Vị thầy dạy voi lội xuống hồ sen, đứng quan sát xem xét Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa, thấy Đức-Bồ-tát Bạch-tượng toàn màu trắng có đầy đủ các tướng tốt mà chưa có con Bạch-tượng nào như vậy.

Nhìn thấy con Bạch-tượng chúa có vẻ hiền lành, nên vị thầy dạy voi đến gần Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa cung kính thưa rằng:

- Kính thưa Đức Bạch-tượng, chúng tôi xin kính thỉnh Ngài ngự về kinh-thành Bārāṇasī ở trong hoàng cung giúp đỡ Đức-vua Brahmadatta.

Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa hoàn toàn không muốn rời xa voi mẹ mù, nhưng đành phải chịu đi để gặp Đức-vua Brahmadatta.

Cuộc hành trình đi từ khu rừng suốt 7 ngày mới đến kinh-thành Bārāṇasī.

Voi mẹ của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa chờ đợi không thấy Đức-Bồ-tát Bạch-tượng trở về, nằm nhịn khát nhịn đói, khóc than vì thương nhớ đến Đức-Bồ-tát Bạch-tượng.

Trên đường trở về kinh-thành Bārāṇasī, vị thầy dạy voi cho lính đem tờ tấu trình lên Đức-vua truyền lệnh trang hoàng kinh-thành Bārāṇasī nhất là những con đường mà Đức Bạch-tượng sẽ đi qua về đến cung điện.

Vị thầy dạy voi thoa dầu 4 chân, xịt nước dầu thơm trên thân hình của Đức Bạch-tượng, ra lệnh thợ trang hoàng chuồng voi xinh đẹp lồng lẩy, treo rèm mới xung quanh, trần làm mới lồng lẩy.

Vị thầy dạy voi mời Đức Bạch-tượng vào chuồng voi, rồi vị thầy dạy voi đến chào Đức-vua, kính thỉnh Đức-vua ngự đến ban món ăn, thức uống đến Đức Bạch-tượng đầu tiên.

Đức-vua Brahmadatta ngự đến chuồng voi, cầm trên tay món ăn ngon lành, truyền bảo rằng:

- Nay Đức Bạch-tượng! Khanh hãy nên dùng những món ăn ngon lành này, không nên để thân hình gầy yếu, phạm-sự trong triều đình có nhiều, trông chờ khanh giúp đỡ.

Nghe Đức-vua Brahmadatta truyền bảo như vậy, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, kẻ tiện thú này không thấy voi mẹ mù đôi mắt, sẽ không chịu ăn món ăn nào cả.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, voi mẹ mù đôi mắt chắc chắn sống cô độc, vì xa voi con yêu quý của mình, không có voi con dẫn đường, voi mẹ mù đôi mắt đụng phải gốc cây té nằm xuống tại chân núi Caṇḍoraṇa, khóc than thảm thiết nhớ thương đến voi con.

Nghe Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa tâu như vậy, Đức-vua Brahmadatta truyền hỏi rằng:

- Nay Đức Bạch-tượng! Voi mẹ mù đôi mắt không có voi con dẫn đường, đụng phải gốc cây té nằm xuống tại chân núi Caṇḍoraṇa, voi mẹ mù đôi mắt ấy liên quan với Đức Bạch-tượng thế nào?

- Muôn tâu Hoàng-thượng, voi mẹ mù đôi mắt chính là voi mẹ của kẻ tiện thú. Chỉ có hai mẹ con sống trong động mà thôi.

Hằng ngày kẻ tiện thú này có bốn phận đi tìm các trái cây, lá cây đem về phụng dưỡng voi mẹ mù đôi mắt. Nếu không có kẻ tiện thú phụng dưỡng thì voi mẹ mù đôi mắt không thể sống được. Kẻ tiện thú này không muốn địa vị cao cả nào của Hoàng-thượng.

Đến nay đã 7 ngày qua, voi mẹ mù đôi mắt của tiện thú đã chịu cảnh đói khát.

Nghe Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa tâu như vậy, Đức-vua Brahmadatta liền truyền lệnh cho các quan rằng:

- Nay các khanh! Các khanh hãy thả ngay tức thì Đức Bạch-tượng này trở về phụng dưỡng voi mẹ mù đôi mắt.

Tuân theo lệnh của Đức-vua Brahmadatta, Đức-Bồ-tát bạch tượng chúa được thả ra khỏi chuồng voi. Khi ấy, Đức-Bồ-tát bạch tượng chúa thuyết pháp 10 pháp-vương (rājadharmā) tế độ Đức-vua Brahmadatta rằng:

1- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng phụng dưỡng Hoàng-thái-hậu và Thái-thượng-hoàng bằng thiện-pháp trong đời. Đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

2- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng có tâm-từ, tâm-bi tế độ hoàng-hậu, hoàng-tử, công-chúa bằng thiện-pháp trong đời. Đại-thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trên cõi trời dục-giới.

3- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng đối xử các quan trong triều bằng thiện-pháp trong đời, ...

4- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng có tâm-từ, tâm-bi tế độ quân lính, voi, ngựa bằng thiện-pháp trong đời, ...

5- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng đối xử với thần dân trong kinh-thành và ngoài kinh-thành bằng thiện-pháp trong đời, ...

6- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng đối xử với thần dân các vùng xa và vùng biên giới bằng thiện-pháp trong đời, ...

7- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng hộ độ chư sa-môn, Bà-la-môn có giới một cách cung kính trong đời, ...

8- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng có tâm-từ, tâm-bi đối với các đàn thú rừng, chim chóc bằng thiện-pháp trong đời, ...

9- Nay Hoàng-thượng! Xin Hoàng-thượng thực-hành mọi thiện-pháp trong đời. Đại-thiện-nghiệp này sẽ cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại và nhiều kiếp vị-lai trên cõi trời dục-giới.

10- Nay Hoàng-thượng! Đức-vua trời Sakka, chư-thiên, chư phạm-thiên hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời đều do quả của thiện-nghiệp.

Vậy, Hoàng-thượng không nên để duôi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp.

Đức-vua Brahmadatta cùng các quan, quân lính cúng-dường Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa xong. Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa tạ từ Đức-vua Brahmadatta và toàn thể mọi người, rồi vội vã ra khỏi kinh-thành Bārāṇasī, trở về gặp voi mẹ mù.

Trước khi vào gặp voi mẹ mù, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa lội xuống hồ sen lấy nhiều ngó sen, dùng vòi hút đầy nước lên bờ đi vào chỗ voi mẹ đang nằm thiếp vì đói khát, vì nhớ thương voi con yêu quý mấy ngày qua, Đức-Bồ-tát bạch tượng chúa phun nước lên thân hình voi mẹ mù để cho tươi tỉnh lại.

Voi mẹ của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa tưởng trời mưa, nên nói lầm bầm rằng:

“Trời mưa không phải thời, voi con yêu quý của ta, phụng dưỡng ta đã mất tích mấy ngày qua rồi!

Nghe voi mẹ nói lẩm bẩm như vậy, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa đánh thức tỉnh voi mẹ rằng:

- Kính thưa mẹ, kính mời mẹ đứng dậy, mẹ nằm làm gì nữa. Con của mẹ đã trở về gặp mẹ rồi! Đức-vua Brahmadatta trị vì đất nước Kāsi thả con trở về với mẹ để lo phụng dưỡng mẹ.

- Kính mời mẹ đứng dậy, dùng ngó sen. Thưa mẹ của con.

Nghe lời lẽ của voi con yêu quý, voi mẹ mù đứng dậy một cách khoẻ khoắn, rồi tán dương ca tụng Đức-vua của đất nước Kāsi rằng:

“Đức-vua nào thả voi con yêu quý của ta, là voi con luôn luôn biết phụng dưỡng voi mẹ mù, cầu mong Đức-vua ấy được sống lâu, trị vì đất nước Kāsi cho được thịnh vượng, thần dân thiên hạ sống trong cảnh an cư lạc nghiệp.”

Đức-vua Brahmadatta có đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa, nên truyền lệnh xây cất một chuồng voi rất tiện nghi không xa tỉnh Nalini, để cho voi mẹ mù và Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa ở cho được thuận tiện, có hồ sen lớn để tắm và hằng ngày có đầy đủ các món ăn thức uống để cung cấp cho voi mẹ mù và Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa.

Về sau, voi mẹ qua đời, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa làm lễ hoả táng thi thể voi mẹ xong, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa đi lên núi Hima-vanta, đến tu viện Kāraṇḍaka có 500 vị đạo-sĩ, Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa làm phước-thiện cúng-dường đến quý vị đạo-sĩ ấy, rồi hồi-hướng phần phước-thiện đến voi mẹ quá vãng.

Khi Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa băng hà, Đức-vua Brahmadatta tổ chức làm lễ hoả táng xong, Đức-vua Brahmadatta truyền lệnh làm tượng voi bằng đá to lớn giống như Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa, để cho mọi người sau này đến tưởng niệm đến ân-đức của Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa.

Tích Mātuposakajātaka Liên Quan Kiếp Hiện-Tại

Tích Mātuposakajātaka, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa phụng dưỡng voi mẹ mù đôi mắt trong thời quá-khứ. Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của những nhân vật trong tích Mātuposakajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- Đức-vua Brahmadatta, nay kiếp hiện-tại là Ngài Trưởng-lão Ānanda.
- Người thợ săn, nay kiếp hiện-tại là tỳ-khưu Devadatta.
- Vị thầy dạy voi, nay kiếp hiện-tại là Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.
- Đức-Bồ-tát Bạch-tượng chúa, nay kiếp hiện-tại là Đức-Phật Gotama.

**Tích Sālikedārajātaka: Tích Đức-Bồ-Tát
Chim Vẹt Chúa Phụng Dưỡng Mẹ Cha Già.**

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, vị tỳ-khưu chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già, bị các pháp-hữu tỳ-khưu chê trách, rồi các vị tỳ-khưu ấy bạch với Đức-Thế-Tôn về vị tỳ-khưu phụng dưỡng hai người tại gia già ấy.

Đức-Thế-Tôn cho truyền gọi vị tỳ-khưu ấy đến bèn hỏi rằng:

- Này tỳ-khưu! Con chăm lo săn sóc phụng dưỡng hai người tại gia già có thật hay không?

Vị tỳ-khưu ấy bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con chăm lo săn sóc phụng dưỡng hai người tại gia già, điều ấy có thật. Bạch Ngài.

- Này tỳ-khưu! Hai người tại gia già ấy có liên quan với con như thế nào?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Hai người tại gia già ấy chính là mẹ và cha của con. Bạch Ngài.

Để cho vị tỳ-khưu ấy phát sinh đại-thiện-tâm hoan hỷ, nên Đức-Phật tán dương ca tụng rằng: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay! Lành thay! ba lần như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy tỳ-khưu ấy rằng:

- Này tỳ-khưu! Con đã làm bốn phận người con chí hiếu, biết ơn mẹ cha và biết trả ơn mẹ cha, biết chăm lo săn sóc, phụng dưỡng mẹ và cha già.

Con đã làm theo truyền thống dòng dõi của chư Đức-Bồ-tát tiền kiếp của Như-Lai. Như tiền kiếp của Như-Lai sinh làm loài chim có bốn phận biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha già.

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, chư tỳ-khưu kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết về tiền kiếp của Ngài.

Đức-Thế-Tôn thuyết tích Sālikedārajātaka() Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa, là tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama được tóm lược như sau:

Trong thời quá-khứ, Đức-vua Magadha ngự tại kinh-thành Rājagaha, trị vì đất nước Magadha.

Vùng Đông bắc của kinh-thành Rājagaha có ngôi làng Bà-la-môn tên Sālidhiya, ông Bà-la-môn tên Kosiya gieo 1.000 mẫu (karisa) lúa sālī. Ông thuê người lãnh phần trông nom ruộng lúa sālī, mỗi người lãnh phần 50 mẫu, hoặc 60 mẫu, hoặc 100 mẫu, v.v... còn lại 500 mẫu, một người lãnh phần trông nom hết. Mỗi người làm hàng rào bao quanh phần mẫu lúa sālī, làm chòi canh ở trong phần mẫu lúa sālī của mình, trông nom chu đáo suốt ngày đêm.

* Hướng Đông bắc của ruộng lúa sālī ấy có khu rừng gai lớn bên sườn núi. Bầy chim vẹt có hằng trăm con nương nhờ ở khu rừng gai lớn ấy.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama sinh làm con (suvaputto) của chim vẹt chúa (suvaraṇṇo).

Trong bầy chim vẹt, Đức-Bồ-tát là con chim vẹt có thân hình to lớn rất xinh đẹp, có sức mạnh phi thường. Khi chim vẹt chúa đến tuổi già truyền gọi toàn thể bầy chim vẹt đến tụ hội, chim vẹt chúa truyền bảo rằng:

- Nay toàn thể chim vẹt! Nay ta đã già không có khả năng bay xa được nữa, ta trao quyền lãnh đạo bầy chim vẹt lại cho chim vẹt con của ta làm chim vẹt chúa. Vậy, từ nay về sau, các người hãy nghe theo lệnh chim vẹt chúa con của ta.

Sau khi Đức-Bồ-tát chim vẹt chính thức trở thành chim vẹt chúa (suvarājā), Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa thỉnh chim vẹt mẹ và cha ở tại tổ, không bay đi kiếm ăn như trước nữa. Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa tha lúa sālī đem về phụng dưỡng mẹ cha già, trả ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa dẫn đầu bầy chim vẹt bay vào rừng núi Himavanta kiếm ăn lúa sālī mọc tự nhiên. Hằng ngày, Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa kiếm ăn xong, rồi tha bông lúa sālī đem về phụng dưỡng mẹ cha già, các vẹt con còn nhỏ chưa bay được và các chim vẹt già yếu.

Một hôm nhóm chim vẹt đến tàu với Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa rằng:

- Muôn tàu chim vẹt chúa, từ trước vào thời gian này, dân chúng gieo lúa sālī trong vùng đất Magadha. Nay, không biết họ có còn gieo lúa sālī hay không?

Nghe tàu như vậy, Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa truyền lệnh 2 con chim vẹt khoẻ mạnh bay đến nơi ấy quan sát xem xét để biết rõ sự-thật.

Tuân lệnh Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa, 2 con chim vẹt khoẻ mạnh bay đến vùng ruộng lúa sālī của dân chúng Magadha, thuộc về hướng Đông bắc của kinh-thành Rājagaha. Hai con chim vẹt đáp xuống ăn lúa sālī, rồi tha bông lúa sālī đem về đặt dưới chân Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa, rồi tàu rằng:

- Muôn tàu chim vẹt chúa, đây là những bông lúa sālī từ ruộng lúa sālī mà dân chúng Magadha đã gieo đến thời kỳ chín rộ. Tàu bệ hạ.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa mổ bông lúa sālī lên xem, thấy hạt lúa sālī đã chín mùi. Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa truyền bảo rằng:

- Nay các chim vẹt! Ngày mai chúng ta cùng nhau bay đến kiếm ăn nơi ruộng lúa sālī ấy.

Sáng ngày hôm ấy, Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa dẫn đầu bầy chim vẹt hằng trăm con bay đến ruộng mổ ăn lúa sālī, nhằm phần ruộng của người lãnh trông nom 500 mẫu.

Thấy bầy chim vẹt đông hằng trăm con ăn lúa sālī trong phần thửa ruộng của mình trông nom, người ấy chạy đuổi bên này, bên kia, hoàn toàn bất lực không thể ngăn cấm bầy chim vẹt được.

Người ấy đứng nhìn thấy bầy chim vẹt ăn no rồi, đều bay lên chờ, chỉ còn con chim vẹt chúa to lớn rất xinh đẹp, có sức mạnh phi thường tha một chùm bông lúa sālī dẫn đầu bay về tổ.

Ngày hôm sau, Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa dẫn đầu bầy chim vẹt đông hằng trăm con ấy cũng bay đáp xuống đúng ngay chỗ thửa ruộng ngày hôm trước, mổ ăn lúa sālī, người trông nom ấy cố gắng chạy đuổi bên này, bên kia, cũng không thể ngăn cấm bầy chim vẹt được.

Cũng như ngày hôm trước, người ấy đứng nhìn thấy bầy chim vẹt ăn no, rồi đều bay lên chờ, chỉ còn con chim vẹt chúa to lớn rất xinh đẹp, có sức mạnh phi thường tha một chùm bông lúa sālī dẫn đầu bay về tổ.

Người có phận-sự trông nom 500 mẫu lúa sālī của ông Kosiya nghĩ rằng:

“Ta lãnh phần trông nom 500 mẫu lúa sālī của ông Kosiya. Nay, lúa sālī đến thời-kỳ chín, mà bầy chim vẹt đông hằng trăm con mỗi ngày đến ăn lúa sālī như thế này, chẳng bao lâu lúa sālī sẽ sứt giảm, chắc chắn ông Kosiya sẽ bắt đền ta.

Vậy, ta nên đến gặp ông Kosiya, thưa cho ông biết sự việc xảy ra như vậy.”

Nghĩ như vậy xong, người ấy đem theo một bó bông lúa sālī, vội vã lên đường đi đến gặp ông chủ Kosiya.

Vừa nhìn thấy người trông nom ruộng lúa sālī, ông Kosiya liền hỏi rằng:

- Này người trông nom ruộng lúa sālī! Ruộng lúa sālī có được tốt hay không?

Nghe ông chủ Kosiya hỏi như vậy, người ấy liền thưa rằng:

- Kính thưa ông chủ, ruộng lúa sālī được mùa rất tốt, nhưng hiện nay bầy chim vẹt đông hằng trăm con bay đến ăn phần thửa ruộng lúa sālī 500 mẫu của tôi, mà tôi hoàn toàn bất lực không thể ngăn cấm bầy chim vẹt ấy được.

Nay, tôi xin trả 500 mẫu ruộng lúa sālī ấy lại cho ông.

- Kính thưa ông chủ, bầy chim vẹt ấy ăn no rồi, đều bay lên chờ, chỉ còn con chim vẹt chúa to lớn rất xinh đẹp, có sức mạnh phi thường tha một chùm bông lúa sālī dẫn đầu bay về tổ.

Khi nghe người trông nom ruộng lúa sālī thưa như vậy, ông không quan tâm đến bầy chim vẹt ăn lúa sālī của ông, mà ông quan tâm đến con chim vẹt chúa to lớn rất xinh đẹp, có sức mạnh phi thường tha một chùm bông lúa sālī bay về tổ, nên ông Kosiya bảo người trông nom ruộng lúa sālī bằng lời thân mật rằng:

- Này con thân mến! Con có khả năng đặt bẫy bắt sống con chim vẹt chúa ấy đem đến cho ông có được hay không?

Nghe ông Kosiya không quở mắng, bắt phạt về lỗi để bầy chim vẹt ăn lúa sālī của ông, mà ông lại nói với lời thân mật bảo mình đặt bẫy bắt sống con chim vẹt chúa ấy đem đến cho ông.

Người trông nom ruộng lúa vô cùng hoan hỷ thưa với ông Kosiya rằng:

- Kính thưa ông chủ, con xin nhận nhiệm vụ mà ông đã giao phó, cố gắng hết sức mình đặt bẫy bắt sống cho được con chim vẹt chúa ấy đem đến cho ông chủ.

Người ấy khi đi với tâm lo ngại, nhưng lúc trở về với tâm phấn khởi. Về đến nơi, người ấy mỗi ngày cố công theo dõi con chim vẹt chúa ấy bay đến thường đáp xuống chỗ nào, đi ăn lúa sālī chỗ nào, đều đánh dấu nhớ rõ.

Sáng hôm ấy, người ấy đặt mấy cái bẫy sẵn, đợi con chim vẹt chúa ấy dẫn đầu bầy chim vẹt bay đến, con chim vẹt chúa ấy đáp xuống đi kiếm ăn bị mắc bẫy, dù con chim vẹt chúa ấy bị mắc bẫy rồi, vẫn nằm yên không cho bầy chim vẹt biết, để chúng nó ăn lúa sālī no bụng, rồi mới báo cho bầy chim biết mình đã mắc bẫy.

Bầy chim vẹt hoảng sợ, bay trở về khu rừng gai chỗ tổ của mình.

Con chim vẹt chúa nằm than vãn rằng:

"Bầy chim vẹt dòng dõi của ta ăn no, bay trở về tổ trong khu rừng gai cả thảy, chỉ còn một mình ta bị mắc bẫy nằm ở đây."

Khi ấy, người trông nom ruộng lúa sālī đi đến thấy con chim vẹt chúa to lớn rất xinh đẹp tuyệt vời nằm yên, liền phát sinh tâm vô cùng hoan hỷ, nổi vui mừng khôn xiết do nghĩ rằng:

"Ta đặt bẫy muốn bắt sống con chim vẹt chúa nào, nay bắt sống con chim vẹt chúa ấy."

Khi ấy, người ấy thận trọng gỡ bẫy ra, bắt con chim vẹt chúa cột 2 chân lại, rồi ôm sát bên mình vội vã lên đường đi đến ngôi làng Sāliddiya gặp ông Kosiya.

Người ấy cung kính trao con chim vẹt chúa, ông Kosiya đưa 2 tay nâng con chim vẹt chúa to lớn rất xinh đẹp tuyệt vời với đại-thiện-tâm kính yêu vô hạn, nổi vui mừng khôn xiết, ông Kosiya nhẹ tay mở dây cột đôi chân ra, rồi đặt con chim vẹt chúa nằm trên bắp đùi của ông.

Ông Kosiya chuyện trò thân mật với con chim vẹt chúa rằng:

- Này chim vẹt chúa thân mến! Cái bụng của ngươi to lớn hơn các con chim khác phải không? Cho nên ngươi ăn lúa sālī của ta no rồi, còn tha đem về nữa.

- Này chim vẹt chúa thân mến! Hoặc ngươi có bồ lúa sālī để trong khu rừng gai chưa đầy phải không? Cho nên ngươi ăn lúa sālī của ta no rồi còn tha đem về cho đầy bồ.

- Này chim vẹt chúa thân mến! Hoặc ngươi muốn gây oan trái với ta phải không? Cho nên ngươi ăn lúa sālī của ta no rồi còn tha đem về.

- Này chim vẹt chúa thân mến! Ngươi cất giấu lúa sālī của ta nơi nào? Ta hỏi ngươi, vậy ngươi giải đáp cho ta biết rõ.

Nghe ông Kosiya hỏi như vậy, con chim vẹt chúa giải đáp rằng:

- Kính thưa ông Kosiya, gây oan trái với ông thì điều ấy tôi không hề nghĩ đến bao giờ.

- Tôi không có bồ lúa sālī nào để trong khu rừng gai cả.

- Kính thưa ông Kosiya, tôi tha lúa sālī của ông đem về khu rừng gai:

* Một phần, tôi phải trả món nợ cũ mà tôi đã vay từ trước.

* Một phần, tôi cho vay món nợ mới, để tôi hưởng quả về sau.

* Một phần, tôi chôn cất làm của riêng đem theo bên mình.

- Kính thưa ông Kosiya, tôi đã giải đáp xong, xin ông hiểu biết như vậy.

Nghe lời giải đáp của con chim vẹt chúa, ông Kosiya chưa hiểu biết rõ, nên ông hỏi lại rằng:

- Kính thưa chim vẹt chúa quý mến,

* Ngài trả món nợ cũ của ai, mà Ngài đã vay từ trước?

* Ngài cho ai vay món nợ mới, đến khi nào Ngài hưởng quả về sau?

* Ngài chôn cất nơi nào mà làm của riêng đem theo bên mình được?

- Kính thưa chim vẹt chúa quý mến, xin Ngài giải đáp cho tôi hiểu biết rõ.

Nghe ông Kosiya hỏi như vậy, con chim vẹt chúa giải đáp rằng:

- Kính thưa ông Kosiya, tôi tha lúa sālī của ông đem về khu rừng gai:

* Một phần, tôi phải phụng dưỡng mẹ cha già của tôi là Bạc đã có công ơn sinh thành dưỡng dục tôi đến lúc trưởng thành, gọi là tôi phải trả món nợ cũ mà tôi đã vay từ trước.

* Một phần, tôi nuôi nấng các con của tôi còn nhỏ dại chưa bay đi kiếm ăn được, cho chúng nó trưởng thành. Đến khi tôi về già, các con phụng dưỡng lại tôi, gọi là tôi cho vay món nợ mới, để tôi hưởng quả về sau.

* Một phần, tôi làm phước-thiện bố-thí đến các con chim vẹt già yếu không thể bay kiếm ăn được, gọi là tôi chôn cất làm của riêng đem theo bên mình, bởi vì bậc thiện-trí dạy đại-thiện-nghiệp là của riêng mình, theo mình trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

- Kính thưa ông Kosiya, ông nên biết:

* Tôi trả món nợ cũ của mẹ cha tôi mà tôi đã vay từ khi sinh ra cho đến khi trưởng thành.

* Tôi cho con tôi vay món nợ mới, đến khi tôi về già, con tôi phụng dưỡng lại tôi.

* Tôi làm phước-thiện bố-thí đến các con chim vẹt già yếu không đi kiếm ăn được, nghĩa là tôi chôn cất làm của riêng đem theo trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai được.

Sau khi nghe lời giải đáp xong, ông Kosiya phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa, rồi tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa là loài chim có thiện-pháp cao quý, mà loài người có mấy ai hiểu biết thiện-pháp cao quý như vậy.

Ông Kosiya thưa với Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa rằng:

- Kính thưa chim vẹt chúa quý mến, Ngài cùng với dòng họ chim vẹt của Ngài được phép ăn lúa sālī trên 1000 mẫu ruộng của tôi.

- Kính thưa chim vẹt chúa quý mến, tôi rất hân hạnh được gặp Ngài hôm nay và sau này.

Nghe ông Kosiya thưa như vậy, Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa thưa với ông Kosiya rằng:

- Kính thưa ông Kosiya, tôi và dòng họ chim vẹt của tôi chỉ xin ông 8 mẫu lúa sālī mà thôi, phần còn lại tôi xin hoàn lại cho ông.

Ông Kosiya tiếp đãi Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa với những món ăn thịnh soạn trên cái đĩa bằng vàng.

Ông Kosiya truyền bảo những người gia nhân làm hàng rào khoanh 8 mẫu lúa sālī dành riêng cho Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa và dòng họ chim vẹt được phép ăn lúa sālī tại nơi ấy.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa khuyên dạy ông Kosiya không nên dễ dãi (thất niệm) trong mọi thiện-pháp, nên làm phước-thiện bố-thí, giữ gìn giới của mình cho được trong sạch, biết chăm lo săn sóc phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo, cúng-dường đến chư sa-môn, Bà-la-môn.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa xin từ giả ông Kosiya bay trở về, trên đường ghé ruộng lúa sālī tha một chùm bông lúa sālī bay về phụng dưỡng mẹ cha, các con và các chim vẹt già yếu.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa thấy mẹ cha đang nằm khóc than nhớ thương con.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa thưa rằng:

- Kính thưa mẹ cha, con đã về với mẹ cha. Kính xin mẹ cha đứng dậy ăn lúa sālī.

Nghe tiếng con, mẹ cha của Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa vô cùng vui mừng nhìn thấy Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa.

Khi ấy, bầy chim vẹt cùng nhau đến vui mừng thấy Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa được an toàn trở về.

Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa thuật lại cuộc gặp gỡ ông Kosiya và thông báo cho biết ông Kosiya ban 8 mẫu lúa sālī cho bầy chim vẹt được tự do ăn lúa sālī trong phần ruộng lúa sālī ấy.

Khi nghe báo tin lành như vậy, tất cả bầy chim vẹt vô cùng hoan hỷ, chúng sẽ được ăn lúa sālī một cách an toàn.

Tích Sālikedārajātaka Liên Quan Kiếp Hiện-Tại

Tích Sālikedārajātaka, tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama là Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa phụng dưỡng mẹ cha già trong thời quá-khứ.

Đến khi Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp những nhân vật trong tích Sālikedārajātaka liên quan đến kiếp hiện-tại như sau:

- Ông Kosiya, nay kiếp hiện-tại là Ngài Trưởng-lão Ānanda.
- Người trông nom ruộng lúa sālī, nay kiếp hiện-tại là Ngài Trưởng-lão Channa.
- Cha và mẹ chim vẹt, nay kiếp hiện-tại là Đức Phụ-vương Suddhodana và Chánh-cung Hoàng-hậu Mahāmāyādevī.
- Đức-Bồ-tát chim vẹt chúa, nay kiếp hiện-tại là Đức-Phật Gotama.

Bậc-tiền-bối dạy làm người phải nên biết:

1- Biết trả nợ cũ đã vay của mẹ cha từ khi đầu thai vào lòng mẹ, khi sinh ra đời, nuôi nấng nên người.

* Bốn phận làm con phải biết trả công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

2- Biết cho con vay nợ mới, nghĩa là mẹ cha nuôi nấng con nên người. Đến khi con khôn lớn trưởng thành, đồng thời mẹ cha cũng đến lúc tuổi già sức yếu, hoặc bệnh hoạn ốm đau, người con phải biết bốn phận trả nợ cũ, là phải biết phụng dưỡng mẹ cha một cách chu đáo.

3- Biết chôn cất của cải đem theo bên mình, nghĩa là biết làm mọi phước-thiện, bởi vì mọi thiện-nghiệp là của riêng mình, được tích-luỹ trong tâm của mình, rồi cho quả tốt lành, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại và vô số kiếp vị-lai.

Trả Ơn Mẹ Cha Không Dễ

(Na Suppatikāraṃ)

Mỗi người được hiện hữu trên cõi đời do nhờ công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha, cho nên, công ơn của mẹ cha thật là lớn lao vô lượng, vô biên mà bốn phận làm con khó mà đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha một cách xứng đáng được.

Đức-Phật dùng ví dụ rằng:

Người con đặt mẹ bên vai phải, đặt cha bên vai trái, cung phụng đầy đủ mọi thứ nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày của mẹ cha, tắm rửa, xoa bóp, xúc nước hoa, ăn uống ngủ nghỉ, thậm chí mẹ cha đi tiểu tiện ở trên vai của người con, suốt thời gian tuổi thọ 100 năm như vậy.

Dù người con có thật sự làm được như vậy, thì cũng chưa có thể gọi là người con chí hiếu trả công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha một cách xứng đáng, bởi vì mẹ cha có công ơn lớn lao vô lượng, vô biên, ... đối với người con. Mẹ cha cho con sinh ra đời, nuôi nấng, dưỡng dục con nên người.

Vậy, người con có cách nào để trả công ơn mẹ cha một cách xứng đáng hay không?

Đức-Phật dạy 4 pháp với ý nghĩa:

* Người con nào biết mẹ cha là người không có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo; không tin nghiệp và quả của nghiệp,... người con ấy nên thuyết phục mẹ cha trở thành người có đức-tin đầy đủ (saddhāsampadā).

* Người con nào biết mẹ cha là người không có ngũ-giới,... trong sạch, người con ấy nên thuyết phục mẹ cha trở thành người có ngũ-giới trong sạch và đầy đủ trọn vẹn (silasampadā).

* Người con nào biết mẹ cha là người có tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải tiền bạc của mình,... người con ấy nên thuyết phục mẹ cha trở thành người có đại-thiện-tâm hoan-hỷ trong sự làm phước-thiện bố-thí, cúng-dường đến chư tỳ-khưu-tăng, v.v... người có sự bố-thí đầy đủ (cāgasampadā).

* Người con nào biết mẹ cha là người không có trí-tuệ sáng suốt,... người con ấy nên thuyết phục mẹ cha trở thành người có trí-tuệ sáng suốt, thấy rõ biết rõ thật-tánh của các pháp, trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ biết rõ các sắc-pháp, danh-pháp tam-giới và siêu-tam-giới, người có trí-tuệ đầy đủ (paññāsampadā).

Ví như Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thuyết pháp tế độ mẫu thân trở thành bậc Thánh-Nhập-lưu. Cho nên, Ngài Đại-Trưởng-lão dạy rằng:

“Tôi đã trả ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ tôi rồi.”

Nếu người con nào có khả năng thuyết phục:

* mẹ cha là người không có đức-tin, trở thành người có đức-tin đầy đủ (saddhāsampadā).

* mẹ cha là người không có ngũ-giới,... trở thành người có ngũ-giới trong sạch và đầy đủ trọn vẹn.

* mẹ cha là người có tâm bủn xỉn, keo kiệt trong của cải, tiền bạc của mình, trở thành người hoan-hỷ trong sự bố-thí đầy đủ (cāgasampadā).

* mẹ cha là người không có trí-tuệ, trở thành người có trí-tuệ sáng suốt, có trí-tuệ thiên-tuệ thấy rõ biết rõ thật-tánh của các sắc-pháp, danh-pháp đầy đủ (paññāsampadā).

Thì người con ấy mới được gọi là người con biết ơn mẹ cha và biết trả ơn mẹ cha của mình một cách xứng đáng.

Nếu trường hợp người con không có khả năng thuyết phục mẹ cha được thì thỉnh mời các vị Trưởng-lão đến thuyết giảng để cho mẹ cha trở thành người có đức tin, có giới trong sạch, biết bố thí, có trí-tuệ thì người con ấy cũng được gọi là người con biết ơn mẹ cha và biết trả ơn mẹ cha của mình một cách xứng đáng.

Thật vậy, dù người con cung phụng những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày đến mẹ cha thì cũng chỉ giúp đỡ về phần thân thể của mẹ cha được an-lạc trong kiếp hiện-tại mà thôi.

Nếu người con nào có khả năng thuyết phục mẹ cha trở thành người có đức-tin đầy đủ (saddhāsampadā), có ngũ-giới trong sạch và đầy đủ (sīlasampadā), có sự bố-thí đầy đủ (cāgasampadā), có trí-tuệ đầy đủ (paññāsampadā) thì mẹ cha chắc chắn không chỉ hưởng sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại mà còn hưởng vô số kiếp vị-lai, nhất là làm nhân-duyên dẫn đến chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong 3 giới 4 loài.

Cho nên, người con ấy được gọi là người con chí hiếu biết ơn mẹ cha (kataññū) và biết trả công ơn (katavedī) sinh thành dưỡng dục của mẹ cha một cách xứng đáng.

THẦY VÀ HỌC TRÒ

Mỗi người được hiện hữu trong đời này là do nhờ mẹ cha sinh con ra, nuôi nấng dưỡng dục, dạy dỗ con tập nói, tập ngồi, tập đứng, tập đi, tập ăn, uống, v.v... càng ngày càng lớn khôn hiểu biết mẹ cha, anh chị em, bà con thân quyến.

Như vậy, mẹ cha là vị Thầy đầu tiên (pubbā-

cariya) của người con, cho nên, người con phải có bốn phận biết ơn mẹ cha và biết trả công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ cha.

Nếu không có mẹ cha sinh ra thì không có con được hiện hữu trên đời này.

* Khi con đến tuổi đi học, mẹ cha dẫn con đến nhờ thầy, cô giáo dạy học trò biết đọc, biết viết chữ, biết môn học này, biết nghề nghiệp, v.v... đều do nhờ thầy, cô giáo dạy dỗ.

Như vậy, các thầy, cô giáo là vị Thầy sau (pacchācariya) của người học trò, cho nên, người học trò phải có bốn phận biết ơn thầy, cô giáo và biết đền đáp công ơn dạy dỗ của thầy, cô giáo.

Nếu không có thầy, cô giáo dày công dạy dỗ thì không có người học trò nào biết chữ nghĩa, biết nghề nghiệp làm ăn sinh sống trong kiếp hiện-tại.

Nay, người học trò trở thành người có chức trọng quyền cao, có cuộc sống đầy đủ sung túc đều do nhờ công ơn dạy dỗ của thầy, cô giáo. Cho nên người học trò phải có bốn phận biết ơn thầy, cô giáo và phải biết đền đáp công ơn dạy dỗ của thầy, cô giáo của mình.

Tất cả những sự hiểu biết, nghề nghiệp có được từ mẹ cha, các thầy, cô giáo chỉ đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc trong kiếp hiện-tại mà thôi, không liên quan đến kiếp vị-lai.

Còn đại-thiện-nghiệp biết ơn và biết trả ơn mẹ cha, biết đền đáp công ơn các thầy, cô giáo thì chắc chắn cho quả tốt an-lạc không chỉ trong kiếp hiện-tại mà còn vô số kiếp vị-lai nữa.

* Ngài Trưởng-Lão Và Đệ-Tử

Người nam hoặc người nữ nào đã đến nương nhờ nơi Ngài Trưởng-lão nào, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, hoặc xuất gia trở thành tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama, người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, tu-nữ, vị sa-di hoặc vị tỳ-khưu ấy có cơ-hội tốt, có nhân-duyên lành phát triển mọi thiện-pháp đó là dục-giới thiện-pháp, sắc-giới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp.

* Dục-giới thiện-pháp đó là 8 dục-giới đại-thiện-tâm có 8 dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả an-lạc trong kiếp hiện-tại.

Sau khi người ấy chết, dục-giới đại-thiện-nghiệp có cơ-hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi người, hoặc trong 6 cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trong cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ trong cõi ấy.

* Sắc-giới thiện-pháp đó là 5 sắc-giới thiện-tâm, hưởng sự an-lạc của bậc thiên ấy trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao cho quả tái-sinh kiếp sau làm phạm-thiên trên 1 trong 16 cõi trời sắc-giới.

Được sinh trong cõi sắc-giới nào hoàn toàn tùy thuộc vào bậc thiên sở đắc của hành-giả, hưởng sự an-lạc trong cõi trời sắc-giới ấy cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời ấy.

* Vô-sắc-giới thiện-pháp đó là 4 vô-sắc-giới thiện-tâm hưởng sự an-lạc của bậc thiên ấy trong kiếp hiện-tại.

Sau khi hành-giả chết, chắc chắn vô-sắc-giới thiện-nghiệp bậc cao cho quả tái-sinh kiếp sau làm phạm-thiên trên 1 trong 4 cõi trời vô-sắc-giới.

Được sinh trong cõi vô-sắc-giới nào hoàn toàn tùy thuộc vào bậc thiền sở đắc của hành-giả, hưởng sự an-lạc trong cõi trời vô-sắc-giới ấy cho đến hết tuổi thọ trong cõi trời ấy.

* Siêu-tam-giới thiện-pháp đó là 4 Thánh-đạo-tâm không cho quả tái-sinh kiếp sau, mà trái lại giảm kiếp tái-sinh kiếp sau theo năng lực của mỗi bậc Thánh-đạo-tâm.

Hành-giả chứng đắc Thánh-đạo-tâm nào sinh rồi diệt liền cho quả là Thánh-quả-tâm ấy sau 1 sát-na-tâm không có thời gian khoảng cách, trở thành bậc Thánh-nhân ấy như sau:

4 Thánh-Đạo-Tâm Và 4 Thánh-Quả-Tâm

4 Bậc Thánh-Nhân

* Hành-giả chứng đắc Nhập-lưu-Thánh-đạo, Nhập-lưu-Thánh-quả, trở thành Bậc Thánh-Nhập-lưu (Sotāpanna).

* Hành-giả chứng đắc Nhất-lai-Thánh-đạo, Nhất-lai-Thánh-quả, trở thành Bậc Thánh-Nhất-lai (Sakadāgāmi).

* Hành-giả chứng đắc Bất-lai-Thánh-đạo, Bất-lai-Thánh-quả, trở thành Bậc Thánh-Bất-lai (Anāgāmi).

* Hành-giả chứng đắc A-ra-hán-Thánh-đạo, A-ra-hán-Thánh-quả, trở thành Bậc Thánh-A-ra-hán (Arahanta).

Kiếp Sau Của Mỗi Bậc Thánh-Nhân

* Bậc Thánh-Nhập-lưu đã diệt-đoạn-tuyệt được 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi, nên kiếp hiện-tại không còn khổ tâm do 2 loại phiền-não ấy nữa.

Sau khi bậc Thánh-Nhập-lưu chết, chắc chắn vĩnh viễn không còn tái-sinh trong 4 cõi ác-giới: địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh nữa, chỉ có dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi-thiện-giới là cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi.

Đến kiếp thứ 7, chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh-A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới.

* Bậc Thánh-Nhất-lai đã diệt-đoạn-tuyệt được 1 loại phiền-não là sân loại thô, nên kiếp hiện-tại không còn khổ tâm do sân loại thô ấy nữa.

Sau khi bậc Thánh-Nhất-lai chết, dục-giới đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới một kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh-A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới.

* Bậc Thánh-Bất-lai đã diệt-đoạn-tuyệt được 1 loại phiền-não là sân loại vi tế, nên kiếp hiện-tại không còn khổ tâm do sân nữa.

Sau khi bậc Thánh-Bất-lai chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau làm phạm-thiên trên cõi trời sắc-giới, sẽ chắc chắn trở thành bậc Thánh-A-ra-hán, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân hồi trong tam-giới.

* Bậc Thánh-A-ra-hán đã diệt-đoạn-tuyệt được 7 loại phiền-não còn lại là tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội lỗi, không biết ghê-sợ tội lỗi không còn dư sót, nên kiếp hiện-tại hoàn toàn không có khổ do phiền-não nữa.

Bậc Thánh-A-ra-hán ngay kiếp hiện-tại tịch diệt Niết-bàn (chết), không còn tái-sinh kiếp nào nữa, giải thoát khổ hoàn toàn tử sinh luân hồi trong tam-giới.

* Đức-Phật dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

“- Này Ānanda! Người nào nương nhờ nơi Ngài Trưởng-lão nào, rồi phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, ...

Như-Lai không truyền dạy người đệ-tử ấy đền đáp công ơn của Ngài Trưởng-lão ấy một cách xứng đáng bằng sự đón rước, đánh lễ, cúng-dường bằng y phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh,... ()”

Trong Chú-giải bài kinh Dakkhiṇāvibhaṅga-suttavaṇṇanā giảng giải đoạn kinh này:

Người đệ-tử nào nương nhờ nơi Ngài Trưởng-lão nào, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, ...

Dù cho người đệ-tử ấy luôn luôn có lòng tôn kính đánh lễ Ngài Trưởng-lão, khi biết Ngài Trưởng-lão ở hướng nào, người đệ-tử hướng tâm về hướng ấy đánh lễ Ngài Trưởng-lão; khi ngủ, nằm quay đầu về hướng ấy, ...

Dù cúng-dường những thứ vật dụng quý giá như những tấm y đắt tiền, những món vật thực ngon lành, những chỗ ở sang trọng, những thuốc trị bệnh tốt chất chồng trải rộng khắp trên toàn mặt đất, có chiều cao đến tận đỉnh núi Sineru, cũng chưa có thể gọi là người đệ-tử đền đáp công ơn của Ngài Trưởng-lão được, bởi vì ân-đức của Ngài Trưởng-lão là vô-lượng, vô biên không sao kể xiết được.

Cho nên, người đệ-tử biết ơn Ngài Trưởng-lão của mình và biết đền đáp công ơn của Ngài Trưởng-lão của mình, cần phải có bốn phận duy trì Phật-giáo cho được trường tồn lâu dài trên thế gian, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho nhân-loại thế hệ sau và chư-thiên.

Biết Ơn Và Biết Đền Ơn

Trong tích Rādhatheravattthu() Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthī, đề cập đến Ngài Trưởng-lão Rādha được tóm lược như sau:

Ngài Trưởng-lão Rādha khi còn là vị Bà-la-môn Rādha lớn tuổi lâm vào hoàn cảnh khổ, trong kinh-thành Sāvatthī, nên nghĩ rằng: “Ta nên đến phục vụ chư tỳ-khưu trong ngôi chùa Jetavana để sống qua ngày”.

Sau khi nghĩ như vậy, vị Bà-la-môn Rādha đến ngôi chùa Jetavana, hằng ngày, vị Bà-la-môn siêng năng làm mọi công việc như quét dọn sạch sẽ xung quanh chùa, lấy nước uống, nước dùng cho chư tỳ-khưu, v.v... một cách chu đáo.

Chư tỳ-khưu chỉ tế độ vật thực cho vị Bà-la-môn để sống qua ngày mà thôi. Vị Bà-la-môn Rādha lớn tuổi muốn xuất gia trở thành tỳ-khưu, nhưng không có vị tỳ-khưu nào cho xuất gia.

Vì không được xuất gia trở thành tỳ-khưu, nên vị Bà-la-môn Rādha khổ tâm làm cho thân hình gầy yếu.

Vào canh chót đêm ấy, sau khi Đức-Phật xả đại-bi định, xem xét chúng sinh nên tế độ, thì vị Bà-la-môn Rādha hiện rõ, Đức-Phật thấy rõ biết rõ vị Bà-la-môn Rādha có duyên lành trở thành bậc Thánh-A-ra-hán, nên buổi chiều hôm ấy, Đức-Phật ngự đi đến chỗ ở của vị Bà-la-môn Rādha, truyền hỏi rằng:

- Này Bà-la-môn Rādha! Con đang làm công việc gì vậy?

Vị Bà-la-môn Rādha kính bạch với Đức-Phật:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hằng ngày, con lo phục vụ mọi công việc cho chư tỳ-khưu. Bạch Ngài.

- Này Bà-la-môn Rādha! Con được chư tỳ-khưu tế độ những gì vậy?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chư tỳ-khưu chỉ tế độ vật thực cho con sống hằng ngày mà thôi, không cho phép con xuất gia trở thành tỳ-khưu. Bạch Ngài.

Gương Bậc Biết Ơn Và Biết Đền Ơn

Nghe vị Bà-la-môn Rādha lớn tuổi bạch như vậy, nên Đức-Phật truyền gọi chư tỳ-khưu hội họp, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Có ai còn nhớ đến ơn của vị Bà-la-môn Rādha này không?

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con nhớ rõ, khi con đi khát thực trong kinh-thành Rājagaha, vị Bà-la-môn Rādha này đã từng cúng-dường để vào bát của con một vá cơm. Bạch Ngài.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền bảo rằng:

- Này Sāriputta! Con đã biết ơn vị Bà-la-môn Rādha này, thì con nên tế độ vị Bà-la-môn Rādha thoát khỏi nỗi khổ tâm được không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, sādhu! Lành thay!

Con sẽ cho làm lễ xuất gia cho vị Bà-la-môn Rādha này.

Vị Bà-la-môn Rādha được Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta cho xuất gia trở thành tỳ-khưu. Tỳ-khưu Rādha là vị tỳ-khưu rất dễ dạy, lắng nghe lời giáo huấn của vị Thầy tế độ, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta một cách cung kính, rồi thực-hành pháp-hành thiền-tuệ 2-3 ngày sau, dẫn đến chứng-ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt-đoạn-tuyệt được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh-A-ra-hán cao-thượng.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn vị tỳ-khưu Rādha đến đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lễ. Khi ấy Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Nay Sāriputta! Đệ-tử của con là vị để dạy phải không?

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đệ-tử của con thật là để dạy vô cùng, khi con chỉ bảo điều lỗi lầm nào của đệ-tử, người đệ-tử cung kính sửa chữa điều lỗi lầm ấy, mà không hề tỏ vẻ bức dọc chút nào cả.

Đức-Thế-Tôn truyền hỏi rằng:

- Nay Sāriputta! Nếu có những đệ-tử để dạy như vậy thì con nhận bao nhiêu người?

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Nếu có những đệ-tử để dạy như vậy thì con nhận nhiều. Bạch Ngài.

Về sau, chư tỳ-khưu hội họp tại giảng đường tán dương ca tụng Ngài Đại-Trưởng-lão và Ngài Trưởng-lão Rādha rằng:

“Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là Bậc biết ơn và biết đền ơn, khi Ngài Đại-Trưởng-lão nhớ ơn vị Bà-la-môn Rādha đã từng cúng-dường một vá cơm, nay nhận cho vị Bà-la-môn Rādha xuất gia trở thành tỳ-khưu. Và tỳ-khưu Rādha dù lớn tuổi vẫn là vị tỳ-khưu để dạy, cung kính vâng lời, thực-hành theo lời giáo huấn của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta”.

Nghe chư tỳ-khưu tán dương ca tụng như vậy,

Đức-Thế-Tôn ngự đến truyền dạy rằng:

- Nay chư tỳ-khưu! Sāriputta là người biết ơn (kataññū) và biết đền ơn (katavedī) không chỉ kiếp hiện-tại này, mà trong tiền-kiếp cũng biết ơn và biết đền ơn như vậy.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu phải là người để dạy như tỳ-khưu Rādha, dù vị Thầy chỉ bảo điều lỗi lầm nào của đệ-tử, người đệ-tử cung kính sửa chữa điều lỗi lầm ấy, mà không tỏ vẻ bức dọc chút nào.

Vị Thầy chỉ bảo điều lỗi lầm của người đệ-tử, cũng giống như người chỉ dẫn kho báu cho người tìm kho báu vậy.

Thông thường mình khó thấy, khó biết lỗi lầm của mình. Người chỉ lỗi có 2 hạng người:

* Hạng người chỉ lỗi của người nào với tác-ý ác-tâm làm nhục mạ người ấy giữa đám đông người, để làm mất uy tín người ấy.

* Hạng người là bậc thiện-trí chỉ bảo điều lỗi lầm nào của người đệ-tử với tác-ý đại-thiện-tâm muốn cho người đệ-tử thấy rõ biết rõ điều lỗi lầm mà từ bỏ, để trở nên con người tốt, người thiện.

* Người nào không thấy, không biết điều lỗi lầm nào của mình, nếu có bậc thiện-trí chỉ rõ điều lỗi lầm ấy thì người ấy nhận thức đúng đắn mà sửa chữa lại, cũng gọi là bậc thiện-trí.

* Người nào bị người khác xúc phạm rồi, sau đó họ biết ăn năn hối lỗi đến xin tha thứ lỗi, người ấy phải nên hoan hỷ tha thứ lỗi của họ, cũng gọi là bậc thiện-trí.

*** Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông Với Chúng Ta**

Tục-ngữ ta có câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.”

Ngày nay, chúng ta được biết đến Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda tại Việt-Nam, được nghe, được học hỏi giáo-pháp của Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, biết đọc chữ Pāli, biết tụng kinh Pāli, biết các nghi thức làm lễ thọ phép quy-y Tam-bảo phổ-thông và ngũ-giới, bát-giới uposathasīla, biết nghi thức lễ xuất gia trở thành vị sa-di, vị tỳ-khưu trong Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, giống y theo các nước có truyền thống Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda như nước Srilanka (Tích-Lan), nước Myanmar (Miến-Điện), nước Thailand (Thái-Lan) nước Cambodia (Cam-Pu-Chia), nước Laos (Lào), v.v...

Người nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ-trì ngũ-giới, người ấy trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, hoặc người nào xin làm lễ xuất gia người ấy trở thành tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

Ngày nay, chúng ta được biết đến Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda tại Việt-Nam là do nhờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đã dày công đem về truyền bá tại Việt-Nam vào năm 1936.

Thế Hệ Diễm Phúc Biết Phật-Giáo Nguyên-Thuỷ

* Những người Việt-Nam nào sống trong thế hệ trước khi Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá tại Việt-Nam, những người ấy không có diễm phúc biết được Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

* Những người Việt-Nam nào sống trong thế hệ cùng thời với Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá tại Việt-Nam, những người ấy có diễm phúc biết được Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

Và những người Việt-Nam sinh ra trong thế hệ sau Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông, có cơ-hội biết được Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

Thật là diễm phúc cho chúng ta biết đường nào! Nay, chúng ta là người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, là tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, đều do nhờ ơn của Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông.

Nếu như Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông không đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá tại Việt-Nam thì chúng ta không biết đến Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, chúng ta cũng không có ai là người cận-sự-nam, cận-sự-nữ, tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong giáo-pháp của Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”

Sự thật, nay chúng ta đã hưởng được quả là trở thành người cận-sự-nam hoặc cận-sự-nữ, là tu-nữ, vị sa-di, vị tỳ-khưu trong Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda, chúng ta nên biết ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông, và biết đền đáp công ơn của Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông.

Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đã có công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá, nên chúng ta mới biết được Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda.

Vậy, chúng ta nên giữ gìn, duy trì và phát huy Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda để cho nhiều người được biết, để họ cũng được hưởng quả như chúng ta.

Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đã từ giã chúng ta từ ngày 26 tháng 7 Phật-lịch 2525 / 1981 cho đến nay đã hơn 33 năm. Nay dù chúng ta có biết ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông và muốn đền đáp công ơn của Ngài Sơ Tổ cũng không có cơ-hội dâng lễ cúng-dường đến Ngài Sơ Tổ bằng những thứ vật dụng cần thiết được nữa.

Ngôi Tháp Thờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông

Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đã từ giã chúng ta hơn 33 năm qua, để lại thi thể của Ngài. Các hàng đệ tử đã làm lễ hoả táng, còn lại phần cốt được tôn thờ tại ngôi tháp sau cây Đại Bồ-đề chùa Tổ Bửu-Long.

Trải qua nhiều năm, ngôi tháp thờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đã có phần bị suy thoái, trong một thời gian không lâu sẽ bị suy sụp.

Cho nên, những người biết ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông và muốn biểu hiện lòng biết ơn Ngài Sơ Tổ, nên đồng tâm nhất trí xây dựng ngôi tháp thờ Ngài Sơ Tổ bằng toàn đá khối hoa cương có chạm trổ hoa văn, để thay thế ngôi tháp cũ, với sự hy vọng ngôi tháp mới này sẽ được bền vững lâu dài với thời gian hơn; đồng thời những thế hệ sau nhìn thấy ngôi tháp thờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông mà nhớ đến Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông là Bậc đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thuỷ Theravāda về truyền bá tại Việt-Nam.

Đó cũng là cách thể hiện tấm lòng biết ơn của những người biết ơn và biết đền ơn đối với Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông.

Cây Đại Bồ-Đề Với Đức-Phật Gotama

Đức-Phật Gotama truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

“- Sādhū! Ānanda! Ropehi.

“Evaṃ sante Jetavane mama nibaddhavāso viya bhavissati.”()

- Nay Ānanda! Lành thay! Con hãy nên gieo trồng cây Đại Bồ-đề tại ngôi chùa Jetavana này.

“Như vậy, khi con trồng cây Đại Bồ-đề trong ngôi chùa Jetavana này, thì cây Đại Bồ-đề cũng như là sự thường trú của Như-Lai.”

Cây Đại Bồ-đề ấy có tên là “Ānandabodhi:” Cây Đại Bồ-đề của Ngài Trưởng-lão Ānanda.

Cây Đại Bồ-Đề Chùa Tổ Bửu-Long

Cây Đại Bồ-đề được trồng tại chùa Tổ Bửu-Long là cây Đại Bồ-đề mà Ngài Đại-Trưởng-lão Narada thỉnh từ Srilanka (Tích-Lan) đem dâng đến Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông vào năm 1960 (cách nay 55 năm).

Lúc sinh thời, Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông hết lòng tôn kính cây Đại Bồ-đề ấy, chăm sóc, phụng dưỡng cây Đại Bồ-đề ấy một cách chu đáo.

Hằng ngày, Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông đến đánh lễ, cúng-dường, tụng kinh tại cây Đại Bồ-đề ấy.

Nay, cây Đại Bồ-đề ấy bị suy dinh dưỡng, có cành cây Bồ-đề bị khô, nên những người biết ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông và muốn đền đáp công ơn Ngài Sơ Tổ, đồng tâm nhất trí cứu chữa cây Đại Bồ-đề ấy bằng cách vun xới, chăm bón từ cội đến rễ, cho nên phải gỡ bỏ lớp gạch men nền cũ, đổ đất phân trên nền, rồi lót lại gạch hoa thị, màu nâu và màu vàng theo từng hàng xen kẽ với nhau, khi trời mưa, nước có thể thấm xuống rễ cây Đại Bồ-đề ấy một cách dễ dàng được.

Để tỏ lòng tôn kính cây Đại Bồ-đề ấy, nên những người biết ơn Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông và muốn đền đáp công ơn Ngài Sơ Tổ, cho làm lại khung bao bát giác và 8 tấm phù điêu quanh cội Đại Bồ-đề, lâu đài tôn thờ Đức-Phật bằng i-nốc mới thay lâu đài cũ đã bị hư, làm lan can bằng i-nốc xung quanh khuôn viên cội cây Đại Bồ-đề và ngôi tháp thờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông, tạo nên một khuôn viên có tính chất thiêng liêng đối với các hàng đệ-tử mỗi khi đến chiêm bái, đánh lễ, cúng-dường cây Đại Bồ-đề và ngôi tháp thờ Ngài Sơ Tổ Hộ-Tông.

Đoạn Kết

Đức-Phật dạy:

* Người nào có đầy đủ 2 đức-tính tốt:

- 1- Đức-tính biết ơn (kataññū) người đã ban ơn cho mình trước, và
- 2- Đức-tính biết đền đáp công ơn (katavedī) đến người đã ban ơn cho mình.

Người ấy được gọi là bậc thiện-trí (sappurisa).

* Người nào có 2 tính xấu:

- 1- Tính không biết ơn (akataññū) người đã ban ơn cho mình trước, và
- 2- Tính không biết đền đáp công ơn (akatavedī) đến người đã ban ơn cho mình.

Người ấy bị gọi là người ác vong ơn (asappurisa).

Như vậy, người nào có đầy đủ 2 đức-tính tốt là biết ơn người ân-nhân (kataññū) và biết đền đáp xứng đáng công ơn của người ân-nhân (katavedī), người ấy được gọi là bậc thiện-trí (sappurisa) trong đời.

Trái lại, người nào có đầy đủ 2 tính xấu là không biết ơn người ân-nhân (akataññū) và không biết đền đáp xứng đáng công ơn của người ân-nhân (akatavedī), người ấy bị gọi là người ác vong ơn (asappurisa) trong đời.

Ân-nhân có 2 hạng:

- 1- Hạng người ân-nhân trực-tiếp.
- 2- Hạng người ân-nhân gián-tiếp.

1- Hạng người ân-nhân trực-tiếp trước tiên là mẹ cha có công ơn sinh thành dưỡng dục con khôn lớn trưởng thành, tiếp theo là các thầy, cô giáo dạy học chữ, dạy học nghề, Vị Thầy Tổ dạy pháp-học Phật-giáo, pháp-hành Phật-giáo. Đó là những bậc ân-nhân trực tiếp gần gũi thân cận với chính mình.

2- Hạng người ân-nhân gián-tiếp, đó là những người ân-nhân ở xa mình.

Cuộc sống hằng ngày đêm của mỗi người chúng ta luôn luôn nương nhờ vào các nhu yếu phẩm cần thiết, do những người sản xuất ra các nhu yếu phẩm ấy.

Giả dụ không có những người ân-nhân gián-tiếp ấy thì chúng ta không thể duy trì sự sống được, có phải vậy không?

Cho nên, tất cả những người ấy đều là những người ân-nhân gián-tiếp mà mỗi người chúng ta cũng có bốn phận biết ơn những người ân-nhân gián-tiếp và biết đền đáp công ơn của người ân-nhân gián-tiếp ấy bằng cách gián-tiếp, nghĩa là mỗi người nên làm công việc thuộc về thiện-pháp đem lại sự lợi ích, sự tiến hoá, sự an-lạc cho mình và cho mọi người, mọi chúng sinh.

Mỗi người chúng ta sống phải biết trả nợ cũ, biết cho vay nợ mới, để cho cuộc sống được sòng phẳng, không nợ nần, nên thân tâm thường được an-lạc.

Cho nên, người là bậc thiện-trí trong đời cần phải có đầy đủ 2 đức-tính tốt là biết ơn những người ân-nhân và biết đền đáp công ơn của những người ân-nhân, bằng cách trực-tiếp hoặc gián-tiếp, bởi vì, mọi người đều là ân-nhân trực-tiếp hoặc gián-tiếp của mình cả.

P.L. 2558 / 2014 - Chùa Tổ Bửu-Long - Q.9, Tp. Hồ-Chí-Minh

Tỳ-khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita)